

Bản án số: 138/2017/HSST
Ngày 20-07-2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Thanh Hảo

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lưu Thị Hương

Ông Vũ Xuân Miện

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Hương – Thư ký của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 07 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 116/2017/HSST ngày 28 tháng 06 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 141/2017/HSST-QĐXX ngày 07 tháng 07 năm 2017, đối với bị cáo:

Nguyễn Văn B (tên gọi khác: Không), sinh năm 1988 tại tỉnh V; nơi đăng ký HKTT và nơi ở: Số 54/18/3 đường N, phường T, thành phố V, tỉnh V; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hoá: không; dân tộc: Kinh; con ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị U; vợ: Nguyễn Thị T; có một con sinh năm 2011; tiền sự: không; tiền án: Bản án số 81/2008/HSST ngày 18-01-2008 xử phạt 27 tháng tù giam về tội “ Trộm cắp tài sản ”; Bản án số 120/2011/HSST ngày 29-06-2011 xử phạt 06 năm tù giam về tội “ Trộm cắp tài sản ” và tội “ Cướp tài sản”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 26-09-2015; bị bắt tạm giữ ngày 02 tháng 04 năm 2017, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố V (có mặt).

Người bị hại: Trương Đăng S, sinh năm 1984, địa chỉ: Số 8/20/7 Đường TX13, phường T, Quận 12, Thành phố H (vắng mặt).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Đặng Hồng Minh S, sinh năm 1987, địa chỉ: Số 1415/15/25/2D Đường 30/4, Phường 12, thành phố V, tỉnh V (vắng mặt).

2. Lê Thanh T, sinh năm 1960, địa chỉ: Số 5 Lô Q, Đường L, Phường 9, thành phố V, tỉnh V (vắng mặt).

3. Nguyễn Văn P, sinh năm 1985, địa chỉ: Số 54/18/3 đường N, phường T, thành phố V, tỉnh V (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 23 giờ ngày 30-03-2017, Nguyễn Văn B điều khiển xe mô tô biển số 72C1-101.56 chở Đặng Hồng Minh S đi trộm cắp tài sản. Khi đến công trình đang xây dựng tại số 13L1 khu D2, đường B, phường 10, thành phố V thấy trước nhà có 01 máy trộn hồ để trên vỉa hè không có người trông coi. B đứng ngoài cảnh giới, S vào tháo 01 mô tơ ra khỏi máy trộn hồ. B chở S đến khu vực đường L, S mang bán mô tơ cho ông Lê Thanh T với giá 1.000.000 đ, S và B chia nhau mỗi người 500.000 đ.

Biên bản xác định giá trị tài sản số 75/BB-PTCKH ngày 12-04-2017 của Hội đồng định giá xác định: 01 mô tơ hiệu Teco trị giá 1.600.000 đ.

Do giá trị tài sản bị chiếm đoạt trị giá dưới 2.000.000 đ chưa đủ yếu tố cấu thành định lượng đối với Đặng Hồng Minh S nên Cơ quan điều tra xử phạt hành chính 1.500.000 đ.

Lê Thanh T khi mua máy mô tơ của Đặng Hồng Minh S không biết nguồn gốc tài sản là do phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không xử lý.

Bản cáo trạng số 104/CT-VKS ngày 25-06-2017, Viện kiểm sát nhân dân thành phố V đã truy tố Nguyễn Văn B về tội “ Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi bị cáo Nguyễn Văn B thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội “ Trộm cắp tài sản”. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 138, điểm g, p khoản 1 Điều 46; Điều 33 BLHS năm 1999 xử phạt bị cáo mức án từ 12 đến 15 tháng tù.

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như nội dung bản cáo trạng và ý kiến luận tội của Viện kiểm sát, công nhận Viện kiểm sát truy tố đúng tội danh; bị cáo không có ý kiến gì tự bào chữa cho hành vi phạm tội của mình, chỉ xin HĐXX xem xét giảm nhẹ một phần mức án.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố V, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố V, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo xác định đã lợi dụng sự sơ hở của chủ tài sản, cùng với Đặng Hồng Minh S lén lút thực hiện hành vi trộm cắp 01 mô tơ trị giá 1.600.000 đ của người bị hại. Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của các đương sự, vật chứng thu giữ được, kết quả định giá và các tài liệu chứng cứ khác đã được các cơ quan tiến hành tố tụng thu thập trong hồ sơ vụ án và thẩm tra lại tại phiên tòa. Xét bị cáo đã hai lần bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa bản án nào được xóa án tích, nay lại tiếp tục phạm tội do lỗi cố ý. Vì vậy, dù tài sản bị cáo chiếm đoạt giá trị dưới 2.000.000 đ nhưng hành vi bị cáo thực hiện vẫn đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 và hướng dẫn tại điểm a tiểu mục 7.3 Mục 6 Nghị quyết 01/2006/NQ- HĐTP ngày 12-05-2006 của Hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân Tối cao.

So sánh thấy tội “Trộm cắp tài sản” theo Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định mức tối đa của khung hình phạt nặng nhất nhẹ hơn so với tội “Trộm cắp tài sản” theo Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 (hình phạt tù đến 20 năm so với hình phạt tù chung thân). Nên áp dụng Nghị quyết 144/QH13 ngày 29-06-2016 của Quốc Hội; khoản 3 Điều 7; Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 để quyết định trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

[3] Xét tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, xâm hại quyền sở hữu tài sản công dân, gây mất trật tự an ninh xã hội tại địa phương. Vì vậy, hành vi phạm tội của bị cáo cần xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật, nhằm giáo dục cải tạo riêng đối với bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã hai lần bị kết án, chưa bản án nào được xóa án tích, nay lại tiếp tục phạm tội chứng tỏ bị cáo không có ý thức ăn năn hối cải. Tuy nhiên bị cáo đã thành khẩn khai báo; gây thiệt hại không lớn về vật chất, tài sản bị chiếm đoạt đã thu hồi trả lại người bị hại. Nên xem xét áp dụng điểm g, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 giảm cho bị cáo một phần hình phạt.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Người bị hại Trương Đăng S xác định đã nhận lại tài sản bị mất; không yêu cầu gì thêm về phần trách nhiệm dân sự đối với bị cáo, nên HĐXX không xem xét.

Người liên quan Lê Thanh T yêu cầu được bồi thường 1.000.000 đ. Tại phiên tòa, bị cáo tự nguyện đồng ý bồi thường cho anh Lê Thanh T 1.000.000 đ.

Xét yêu cầu của người liên quan có căn cứ pháp luật, ghi nhận sự tự nguyện bồi thường của bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng:

- 01 điện thoại di động hiệu I phone 6 plus, 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu vàng, 01 bóp da màu nâu, 01 chứng minh nhân dân và 01 giấy phép lái xe

đúng tên Nguyễn Văn B, 01 cuốn sổ màu đỏ, số tiền 10.830.000 đ; đều là tài sản hợp pháp của bị cáo B, không liên quan đến hành vi phạm tội bị cáo thực hiện, nên trả lại bị cáo B;

- 01 túi xách, 01 kìm cộng lực, 17 mỏ lết các loại, 01 búa, 01 dao cắt giấy, 02 kìm cắt, 01 đèn pin, 01 van mở khóa, 02 đục, 03 tua vít, 01 băng keo hai mặt, bấm, 02 đôi găng tay vải; các bị cáo sử dụng làm phương tiện phạm tội, không còn giá trị sử dụng, nên tịch thu tiêu hủy;

- Người liên quan Nguyễn Văn P không biết bị cáo mượn xe mô tô biển số 72C1-101.56 sử dụng làm phương tiện phạm tội, nên Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe trên cho anh P. Tại phiên tòa anh P không có yêu cầu gì thêm, nên HĐXX không xem xét.

[7] Về biện pháp tư pháp: Đặng Hồng Minh S bán tài sản do phạm tội mà có, được chia số tiền 500.000 đ. Tại phiên tòa Nguyễn Văn B đã tự nguyện bồi thường cho anh Lê Thanh T 1.000.000 đ. Nên buộc Đặng Hồng Minh S phải nộp 500.000 đ sung quỹ nhà nước.

[8] Về án phí : Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn B phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015; điểm g, p khoản 1 Điều 46, Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999; xử phạt Nguyễn Văn B 01 (một) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 02 tháng 04 năm 2017.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 42 Bộ luật hình sự năm 1999; Điều 582, khoản 1 Điều 585, khoản 1 Điều 586 Bộ luật dân sự năm 2015; Nguyễn Văn B có nghĩa vụ bồi thường cho anh Lê Thanh T số tiền 1.000.000 đồng (một triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự năm 1999; Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003;

- Tịch thu tiêu hủy: 01 túi xách, 01 kìm cộng lực, 17 mỏ lết các loại, 01 búa, 01 dao cắt giấy, 02 kìm cắt, 01 đèn pin, 01 van mở khóa, 02 đục, 03 tua vít, 01 băng keo hai mặt, bấm, 02 đôi găng tay vải;

- Trả lại Nguyễn Văn B: 01 điện thoại di động hiệu I phone 6 plus, 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu vàng, 01 bóp da màu nâu, 01 chứng minh nhân dân và 01 giấy phép lái xe đứng tên Nguyễn Văn B, 01 cuốn sổ màu đỏ, số tiền 10.830.000 đ (mười triệu tám trăm ba mươi ngàn đồng).

Vật chứng nêu trên Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V quản lý theo Biên bản giao nhận vật chứng số: 144/BB.THA ngày 19-07-2017 và Biên lai thu tiền số 0008253 ngày 20-07-2017.

4. Về biện pháp tư pháp: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự năm 1999; buộc Đặng Hồng Minh S phải nộp 500.000 đ (năm trăm ngàn đồng) sung quỹ nhà nước.

5. Về án phí: Bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

6. Quyền kháng cáo: Bị cáo, các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Toà án cấp trên xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (PV27);
- Sở Tư pháp tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND thành phố Vũng Tàu;
- Công an thành phố Vũng Tàu;
- Thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu;
- Nhà tạm giữ Công an thành phố Vũng Tàu;
- Ủy ban nhân dân cấp xã nơi bị cáo cư trú;
- Những người tham gia tố tụng;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Thị Thanh Hảo

- Lưu hồ sơ vụ án.